

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

Bản án số: **31/2023/HS-ST**

Ngày: 24/4/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Ngọc Sương

Ông Đoàn Văn Đây

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Ông Phạm Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

T.T.L, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: 16B, khu phố X, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông T.Q.M, sinh năm 1962 và bà M.T.K.L, sinh năm 1964; có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 30/5/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 02 năm 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt ngày 12/6/2021;

Tiền sự: Ngày 30/5/2019, bị Công an thành phố B, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Ngày 18/8/2022, bị cáo trộm cắp tài sản, ngày 08/12/2022, bị Tòa án Quân sự khu vực Quân khu 7 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo chấp hành hình phạt tù tại Trại giam quân sự khu vực Miền Nam (T45) Quân khu 7.

(Bị cáo L có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị hại:* Ông L.B.T, sinh năm 1959 và bà N.T.T.H, sinh năm 1961. Nơi thường trú: Số xxx, đường S, tiểu bang C, thành phố D - Hoa Kỳ (xxx, S ST. D. Co. 8xxxx, United States of America) - Có đơn xin vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông N.V.Đ (T.B.A), sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ xx, khu phố x, phường B, thành phố B, tỉnh Đ - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông T.K.Đ, sinh năm 1955, địa chỉ: 242B, tổ 16, khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T.T.L là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 02 giờ ngày 11 tháng 8 năm 2022, L chuẩn bị 01 cái kéo cắt sắt giấu trong người rồi đi đến trước căn nhà số 34A8, khu dân cư A, thành phố B, tỉnh Đ thuộc sở hữu của ông L.B.T và bà N.T.T.H giao cho ông T.K.Đ thỉnh thoảng đến trông coi. Thấy cửa đóng và không có người nên L dùng kéo cắt khóa cổng và khoen cửa kéo bằng sắt thì đến cánh cửa gỗ, L tiếp tục dùng kéo cạy ốp kim loại tay cầm cửa gỗ nhưng không mở được. Lúc này, L leo hàng rào sắt lên lầu một và dùng kéo cắt sắt phá ổ khóa cánh cửa vào bên trong nhà. L bật đèn và đi đến các phòng thì phát hiện trong phòng ngủ có 01 két sắt nên L đi xuống khu vực bếp ở tầng trệt lấy 01 con dao quay lại phòng dùng kéo, dao phá két sắt lấy trộm được 225 Đô la Mỹ, trong đó có 110 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 02 USD và 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 05 USD rồi bỏ trốn. Sau đó, L đến nhà N.V.Đ đưa cho Đăng 99 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 02 USD và 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 05 USD. Đăng đổi được số tiền 4.700.000 đồng dùng vào việc chi tiêu cá nhân, còn Long giữ lại 11 tờ tiền mệnh giá 02 USD.

Khoảng 12 giờ ngày 11 tháng 8 năm 2022, ông T.K.Đ đến Công an phường A, thành phố B, tỉnh Đ trình báo sự việc.

Về dân sự và xử lý vật chứng: Ông L.B.T không yêu cầu T.T.L bồi thường. Đối với 203 USD L cho Đ có nguồn gốc do phạm tội mà có nên buộc N.V.Đ giao nộp sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 quần dài màu xám ghi; 01 áo thun màu tím than của T.T.L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho L; 11 tờ giấy bạc mệnh giá 02 USD của ông L.B.T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả cho ông T. Đối với chiếc kéo bằng sắt là công cụ T.T.L sử dụng vào việc phạm tội, sau khi gây án L đã vứt mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được. Đối với 01 CMND tên T.T.L và 01 USB ghi hình chứng cứ phạm tội cần lưu giữ hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1491/KL-HĐĐGTS ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 225 Đô la Mỹ trị giá là 5.294.250 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-P2 ngày 09/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ truy tố bị cáo T.T.L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về biện pháp tư pháp, đề nghị xem xét, giải quyết theo Cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được hội đồng xét xử chấp nhận theo điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị hại là người có quốc tịch Hoa Kỳ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

[3] Xét hành vi của bị cáo thực hiện trong vụ án: Theo chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện, khoảng 02 giờ ngày 11/08/2022, tại nhà số 34A8, khu dân cư A, thành phố B, tỉnh Đ, T.T.L lợi dụng không có người trông coi nên đột nhập vào nhà và dùng dao, kéo phá kết sắt lấy trộm 110 tờ đô la Mỹ mệnh giá 02 USD và 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 05 USD, tổng cộng là 225 đô la Mỹ trị giá 5.294.250 đồng của ông L.B.T và bà N.T.T.H. Bị hại trình bày tài sản bị mất gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 2USD và 5USD, nữ trang, vàng, tổng giá trị khoảng từ 100.000.000đ đến 200.000.000đ nhưng không có chứng cứ nên đồng ý với số tiền bị thiệt hại theo kết luận điều tra. Như vậy, hành vi của bị cáo T.T.L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[4] *Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc sở

hữu của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án, trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thành khẩn, thừa nhận tội và ân hận về hành vi của mình là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo đang chấp hành hình phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 08/12/2022 của Tòa án Quân sự khu vực Quân khu 7. Tuy nhiên, do thời hạn chấp hành hình phạt tù của bản án cũ còn lại dưới 45 ngày nên hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Để đảm bảo thi hành án của bản án này, cần bắt và tạm giam bị cáo ngay sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án số 16/2022/HSST.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cần lưu giữ tại hồ sơ 01 CMND tên T.T.L; 01 USB ghi hình chứng cứ phạm tội; Đối với 01 quần dài màu xám ghi, 01 áo thun màu tím than đã trả lại cho bị cáo L do không liên quan đến phạm tội; Đối với 11 tờ giấy bạc mệnh giá 02 USD đã trả lại cho bị hại là có căn cứ. Đối với 203 USD x 23.485đ (tỷ giá ngày 24/4/2023) tương đương 4.767.455đ là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc ông N.V.Đ nộp vào ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân tỉnh Đ phù hợp nhận định hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố bị cáo T.T.L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo T.T.L 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023 (ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HSST ngày 08/12/2022 của Tòa án Quân sự khu vực Quân khu 7).

Tạm giam bị cáo T.T.L 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày 19/5/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Buộc ông N.V.Đ nộp số tiền 4.767.455đ sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T.T.L phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đ (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (1);
- Trại giam quân sự khu vực Miền Nam (T45) Quân khu 7;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đ (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đ (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ (1);
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ (1);
- Lưu hồ sơ (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Ký